

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642001 - Auto CAD căn bản

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên        |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                  |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Trần Văn         | Tiến   | 3641010151 | 17/08/1994 | 5,00        | 6,00        | 5,50      |         |
| 2   | Huỳnh Công       | Minh   | 3641010159 | 13/04/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 3   | Nguyễn Xuân      | Túc    | 3641010161 | 08/02/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 4   | Cao Hoàng        | Trọng  | 3641010163 | 01/05/1993 | 4,00        | 6,00        | 5,00      |         |
| 5   | Nguyễn Văn       | Hiếu   | 3641010166 | 02/04/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 6   | Vô Văn           | Cầu    | 3641010172 | 02/11/1993 | 4,00        | 5,00        | 4,50      |         |
| 7   | Cao Xuân         | Phi    | 3641010187 | 13/06/1994 | 5,00        | 5,00        | 5,00      |         |
| 8   | Lê Trần Minh     | Chí    | 3641010194 | 09/07/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 9   | Huỳnh Minh       | Luân   | 3641010195 | 03/07/1993 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 10  | Nguyễn Tiến      | Nghĩa  | 3641010197 | 14/10/1993 | 6,00        | 9,00        | 7,50      |         |
| 11  | Nguyễn Đình      | Anh    | 3641010207 | 21/09/1993 | 3,00        | ,00         | 1,50      |         |
| 12  | Hồ Phi           | Huy    | 3641010220 | 01/01/1992 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 13  | Phạm Hoài        | Tiến   | 3641010237 | 02/03/1991 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 14  | Nguyễn Thế       | Triều  | 3641010238 | 15/04/1993 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 15  | Lý Ngọc          | Thiện  | 3641010250 | 02/01/1993 | ,00         | 5,00        | 2,50      |         |
| 16  | Nguyễn Huỳnh Quý | Tài    | 3641010258 | 08/08/1993 | ,00         | 1,00        | ,50       |         |
| 17  | Nguyễn Ngọc      | Khương | 3641010265 | 26/02/1993 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 18  | Ngô Hoàn         | Vũ     | 3641010276 | 20/07/1994 | 4,00        | 6,00        | 5,00      |         |
| 19  | Phạm Tuấn        | Anh    | 3641010287 | 08/02/1993 | 3,00        | 5,00        | 4,00      |         |
| 20  | Lê Viết          | Quang  | 3641010304 | 01/09/1994 | 5,00        | 5,00        | 5,00      |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)